

Bản án số: 447/2021/HS-PT

Ngày: 29 - 11 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh

Ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 644/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Ca Thanh T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo kháng cáo, kháng nghị:

1/Ca Thanh T (T), sinh 1987, tại Sóc Trăng; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ca Phước C đã chết và bà Nguyễn Thị T1, sinh 1944; Vợ: Huỳnh Thị Tuyết M. Sinh 1990; Con: có 02 người, lớn nhất sinh 2012, nhỏ sinh 2018; Tiền án: không; Có 01 tiền sự: Ngày 12/11/2018 bị Công an huyện C tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Dùng tay đánh người khác”, mức phạt tiền: 750.000 đồng; Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 02/10/2018, chuyển tạm giam từ 08/10/2018 đến nay (có mặt).

2/Nguyễn Văn Vũ L (L), sinh 1995 tại Tiền Giang; Địa chỉ: Ấp X2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe; Trình độ: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn L2, sinh 1969 và bà Nguyễn Thị T3, sinh 1976; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/9/2018, chuyển tạm giam từ 08/10/2018 đến nay (có mặt).

3/Trần Tiến L4 (H3), sinh 08/6/2000 tại Tiền Giang; Địa chỉ: Ấp X2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn M2, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị H5, sinh 1970; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Có 01 tiền sự: Ngày 15/4/2018 bị Công an xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: “Đánh người khác”, mức tiền phạt 375.000 đồng; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/9/2018, chuyển tạm giam từ 08/10/2018 đến nay (có mặt).

4/Trần Văn N5, sinh 06/11/2000 tại Tiền Giang.Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn N6, sinh 1965 và bà Phạm Thị L4, sinh 1965; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Có 01 tiền sự: Ngày 15/4/2018 bị Công an xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: “Đánh người khác”, mức tiền phạt: 375.000 đồng; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/9/2018, chuyển tạm giam từ 08/10/2018 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo:

1/Bào chữa cho bị cáo Ca Thanh T theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Đỗ Hải B – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2/Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Vũ L theo yêu cầu: Luật sư Bùi Lưu L6 – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt)

3/Bào chữa cho bị cáo Trần Tiến L4 theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Trịnh Bá T7 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

4/Bào chữa cho bị Trần Văn N5 theo yêu cầu: Luật sư Trần Thanh H8 – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Bị hại: Lê Văn H9, sinh năm 1963 (đã chết)

Đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Trần Thị T10, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Bà Ca Thị T11, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú: Ấp G, xã P, Tp. M, tỉnh Tiền Giang.

2/Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồng: Ông Trần Văn M2, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4/Bà Phạm Thị L4, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 28/9/2018, Ca Thanh T điện thoại rủ Nguyễn Văn Vũ L và Hồ Ngọc D (T12), sinh năm 1994, ngụ Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang đến nhà chị Nguyễn Thị Hồng P4, sinh năm 1984, ngụ ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh Tiền Giang uống rượu. Khoảng 30 phút sau, Trần Văn N5 chở Trần Tiến L4 đến cùng uống rượu, sau đó D (T12) có việc riêng nên về trước. Trong lúc uống rượu, N5 kể cho T nghe lúc chiều, N5 và L4 đánh nhau với C9 (*không biết cụ thể họ tên, địa chỉ*) và Lê Văn L11 (L11), sinh năm 1984, trú tại nhà Tổ X10, Ấp X1, xã T, huyện C. Nghe vậy, T kêu L4 đến nhà Nguyễn Văn U (X), sinh năm 1981, ngụ ấp L, xã L, huyện C lấy “cây hàng” (con dao tự chế), có đặc điểm: Dài 83cm, cán bằng gỗ tròn, đường kính 3,5cm, dài 40cm, lưỡi bằng kim loại màu đen, mũi bằng, nơi rộng nhất 7,5cm, nơi hẹp nhíp 4cm đưa cho T. Trước khi L4 đi lấy dao, T có gọi điện cho U nói “*em lấy cây hàng, thằng em lên lấy*”. Do con dao này, trước đó Ca Thanh T đem đến để bên hông nhà của U. Khi Luật đến lấy con dao không nói với U lấy con dao mục đích để làm gì. L4 đi lấy con dao về để ngoài hàng rào nhà chị P4 rồi vào ngồi nhậu tiếp.

Trong lúc ngồi uống rượu, T hỏi “*N5 có biết nhà của L11 không dẫn T đến đó*”, N5 trả lời: “*Dạ biết, chi vậy anh T?*”. T nói: “*Để chém nó (L11) chứ chi*”. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T rủ L, N5, L4 đến nhà tìm L11 để chém, tất cả đồng ý và cùng đi. Khi vừa đi ra tới chỗ đậu xe (trước cửa nhà chị P4), T hỏi L4: “*Cây hàng lúc nãy lấy đâu, đưa cho anh*”, thì L4 tiếp tục hỏi T: “*Lấy chi vậy anh T*”, T trả lời: “*Lấy đi chém chết mẹ thằng L11 chứ chi, vì nó là thằng hai mặt*”. Lúc này L4 biết T lấy dao đi chém người nhưng vẫn đi đến hàng rào lấy con dao tự chế đưa cho T, rồi cả 4 cùng đi đến nhà L11. N5 điều khiển xe mô tô hiệu Exciter biển số 63B3- 75587 chở L4 chạy trước dẫn đường. L điều khiển xe mô tô hiệu Exciter biển số 63B3- 55733 chở T chạy phía sau. Khi đến trước nhà L11, N5 dừng xe lại và nói: “*Nhà L11 đây nè anh T*”. T xuống xe, cầm dao tự chế, đập hàng rào (lưới B40) đi vào, L4 lấy một đoạn cây tại hàng rào cùng với L đi theo sau T vào trong nhà, còn N5 đứng trước cửa cổng hàng rào.

Sau khi vào bên trong, T đi qua hành lang bên hông nhà đến cửa ra vào bằng nhôm đang đóng (Nhà thiết kế theo cấu trúc chữ “L”). T la lớn tiếng tìm kiếm L11 chém và dùng dao tự chế chém vào bàn ghế để trên bàn, quạt máy đề ngay trước cửa, sau đó dùng dao chém cánh cửa nhà. Lúc này, bà Trần Thị T10 sinh năm 1962, ngụ Ấp 1, xã T, huyện C (mẹ ruột của L11) và ông Lê Văn H9,

sinh năm 1963, ngụ cùng địa chỉ (là cha ruột của L1) bật đèn hành lang, mở cửa ra và ngăn cản không cho Tình vào nhà tìm chém L11 (L11 đang trốn trong cạnh tủ thờ). Do T vẫn xông vào tìm L11 chém nên ông H9 giằng co và giật con dao với T tại vị trí cửa ra vào bên hành lang. L xông vào cùng với T giật con dao từ tay ông H9 thì bị bà T10 cầm cây quạt máy đánh vào vùng đầu gây thương tích. L chạy đến chỗ L4 đang đứng cách đó khoảng 03m lấy đoạn cây từ L4 đánh vào lưng ông H9 để T giật con dao thì đoạn cây bị rớt. Khi T giật lại được con dao, T cầm dao chém vào người ông H9 ngay vị trí cửa hành lang. Thời điểm này, L đứng cách vị trí T chém khoảng 0,8-01m và L4 đứng cách khoảng 02- 03m nhìn thấy T chém ông H9 nhưng không can ngăn, vẫn đồng tình để T tiếp tục dung dao tấn công và chém ông H9 14 vết thương đến khi ông H9 gục xuống tại sàn nước bên hông nhà ngay hồ nước (cách vị trí chém đầu tiên khoảng 2,2m). Trần Tiến L4 khai “Nhìn thấy T dùng dao chém ông H9 02 cái làm ông H9 chảy máu ở đầu và cổ” (BL: 337 - 338). Sau khi ông H9 gục xuống, L4 mới bước vào trong kêu T về thì đạp trúng mảnh vỡ rơi trên nền gạch bị đứt bàn chân phải, chảy máu. Đối với Trần Văn N5, trong lúc đồng phạm gây án bên trong, N5 đứng ngay vị trí cửa chính hàng rào cách vị trí Ca Thanh T chém ông H9 12,4m (kết quả thực nghiệm điều tra xác định vị trí N5 đứng nhìn thấy được việc T chém ông H9 – BL: 686-687). N5 khai có biết và nghe ông H9 kêu “cứu tôi...” (BL: 378-379) và biết toàn bộ sự việc T chém ông H9 nhưng không có hành động nào để ngăn cản mà đứng ngoài chờ đồng phạm gây án xong ra chờ đi tẩu thoát. Trước khi rời đi L để rơi lại hiện trường 01 đôi dép ngay khu vực sàn nước (vị trí ông H9 bị chém ngã ngực), Trần Tiến L4 bị đứt chân để vết máu tại hiện trường.

Sau khi gây án xong, N5 điều khiển xe mô tô chở L chạy trước, L4 chở T chạy sau, khi đến ngã tư Đ thì gặp lại nhau. T ném con dao xuống đất, L qua xe cho T chở, L4 ngồi phía sau ôm L do bị thương ở đầu. N5 nhặt con dao lên và cùng chạy xe mô tô đến Bệnh viện Quân y K120 để may vết thương cho L. Sau đó, T chở L, N5 chở L4 ra về. Khi đến cây xăng H19 đường N, N5 thấy trên đường có công an tuần tra nên ném bỏ con dao tự chế vào khu đất trống. Sau đó, T hỏi N5 con dao đâu, N5 trả lời đã ném bỏ. Mặc dù đã chém trọng thương ông H9 trong lúc ông H9 can ngăn cả nhóm tìm chém L11, nhưng do chưa đạt được mục đích ban đầu nên T kêu L tiếp tục điều khiển xe chở T đến nhà Vũ Tiến H12, sinh 1982, ngụ Ấp X5, xã T, huyện C, tự ý lấy một cây dao khác và cả nhóm tiếp tục quay lại nhà ông H9 để chém L11, nhưng khi đến nhà thấy Công an đang làm việc ở đó nên T, L, N5, L4 không vào mà bỏ đi.

Ông Lê Văn H9 được gia đình đưa đi Bệnh viện cấp cứu. Đến khoảng 08 giờ ngày 29/9/2018, ông H9 chết tại Bệnh viện C- Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30/9/2018, L, N5, L4 bị bắt, giữ. Riêng Ca Thanh T đến ngày 02/10/2018 ra đầu thú tại Công an xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

***Kết luận giám định:** Bản kết luận giám định số 4488/C09B ngày 10/12/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Trên con dao gây án đã thu giữ (ký hiệu A6) có dính máu người. Phân tích AND từ dấu vết máu trên con dao thu được kiểu gen lẫn, trong đó xác định được kiểu gen của nạn nhân Lê Văn H9 (ký hiệu M1). Do lẫn nhiều nguồn AND nên không thể xác định được chính xác có bao nhiêu mẫu AND trên dao này.

- Trên các mẫu ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5 đều có dính máu người. Kiểu gen phân tích từ mẫu A2 trùng với kiểu gen của đối tượng Trần Tiến L4 (ký hiệu M4); kiểu gen phân tích từ mẫu A3 và A5 trùng với kiểu gen của nạn nhân Lê Văn H9 (ký hiệu M1). Không phân tích được kiểu gen hoàn chỉnh từ mẫu A1 và A4 nên không truy nguyên được cá thể.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 218/2018/TTh ngày 29/9/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận nguyên nhân tử vong của ông Lê Văn H9 là “Mất máu cấp do đứt động mạch cảnh ngoài bên trái”.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 405/2018/TCT ngày 27/11/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Văn Vũ L là 02%. Thương tích này là do bà Trần Thị T10 (vợ ông H9) dùng cây quạt máy đánh vào vùng đầu. Tuy nhiên, việc bà T10 dùng cây quạt máy đánh vào vùng đầu gây thương tích cho L là thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tiền Giang không xử lý bà Trần Thị T10 là có cơ sở.

Hành vi của Ca Thanh T khi xông vào nhà chém ông H9 nhưng có làm hư hỏng một số tài sản, như: chân quạt máy, một đoạn thanh nhôm cửa sổ và một số đồ dùng khác... theo đại diện bị hại là chị Trần Thị T10 những thiệt hại đó không lớn khoảng 200.000 đồng và đã tự khắc phục, sửa chữa, nên không yêu cầu Tỉnh bồi thường, cũng không yêu cầu định giá và xử lý nên Cơ quan điều tra không khởi tố xử lý Ca Thanh T về hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản.

Đối với anh Nguyễn Văn U (X), sinh năm 1981, ngụ ấp L, xã L, huyện C, việc Trần Tiến L4 có đến nhà U lấy cây dao tự chế đưa cho Ti, nhưng dao đó do T đem lại để mé hông nhà trước đó, không phải của U và khi L4 đến lấy con dao cũng không nói gì với U. Việc các bị can T, L, L4, N5 bàn bạc đi tìm L11 để chém là sau khi L4 đến nhà U lấy cây dao, nên U cũng không biết việc L4 lấy dao để cho Ti đi chém ông H9, nên không phải là đồng phạm do đó Cơ quan không khởi tố xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Vũ Tiến H12, sinh 1982, ngụ ấp, xã T, huyện C, việc Ca Thanh T sau khi đã chém ông H9 xong có đến nhà H12 lấy một cây dao khác mục đích quay lại nhà tìm L11, nhưng H12 không đưa dao mà do T tự ý lấy, H12 cũng không biết T lấy làm gì và T cũng chưa gây thiệt hại cho ai do đó Cơ quan điều tra không khởi tố xử lý H12 là có căn cứ.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm 20/2020/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020
Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã Quyết định:*

Tuyên bố: Các bị cáo Ca Thanh T, Nguyễn Văn Vũ L, Trần Tiến L4 phạm tội “Giết người”; Bị cáo Trần Văn N5 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ca Thanh T (T) 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ 02/10/2018.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Vũ L (Lớn) 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ 30/9/2018.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Tiến L4 (H3) 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ 30/9/2018.

Áp dụng: Khoản 6 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 91 Bộ luật hình sự. Khoản 5 điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N5 01 (Một) năm 11 (mười một) tháng 23 (hai mươi ba) ngày tù. Tuyên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn Quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 24/9/2020 bị cáo Nguyễn Văn Vũ L và bị cáo Trần Tiến L4 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt, phân rõ trách nhiệm dân sự về số tiền bồi thường 348.000.000 đồng.

- Ngày 22/10/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 62/QĐ-VC3-V1 kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn Vũ L, Trần Tiến L4 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị. Các bị cáo Ca Thanh T, Trần Văn N5 không đồng ý Quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo L4, bị cáo L có kháng cáo. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị. Kháng cáo, kháng nghị trong hạn nên hợp lệ.

- Về nội dung:

Nguyên nhân xảy ra vụ án do xích mích giữa bị cáo N5 và Lê Văn L11 (con bị hại). Bị cáo T đã bàn bạc với các bị cáo còn lại, chuẩn bị dao tự chế tìm L11 để đánh. N5 chờ L4 dẫn đường. Mặc dù ban đầu các bị cáo ý định chém Lâm, nhưng sự việc diễn ra do ông H9 ngăn cản nên T chém ông H9. Quá trình T chém ông H9, N5 chứng kiến nhưng không phản ứng, thể hiện ý chí đồng thuận của N5. Bản án sơ thẩm chuyển tội danh N5 sang “Cố ý gây thương tích” là không đúng. Sau khi chém ông H9, trên đường bỏ chạy N5 ném bỏ con dao. Cả nhóm còn có ý định quay lại tìm L11. Như vậy các bị cáo còn có ý thức gây thương tích cho L11 nhưng chưa đạt. Hành vi của N5 là đồng phạm giết người với vai trò giúp sức

Trong vụ án, T là chủ mưu, bị cáo N5 khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi. Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết rủ rờ người dưới 18 tuổi phạm tội với T là có thiếu sót. Hình phạt sơ thẩm xử các bị cáo là quá nhẹ không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cấp sơ thẩm để điều tra lại. Do đề nghị hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo của các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Ca Thanh T trình bày:

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tách bạch phần tiền bồi thường trách nhiệm dân sự cho từng bị cáo.

Đối với nội dung Quyết định kháng nghị: Bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội, là người chém ông H9. Nhưng cần xem xét việc bị cáo chém ông H9 từ động cơ nào và diễn biến vụ việc. Khi các bị cáo đến nhà tìm L11 không có, các bị cáo bức tức đập phá đồ đạc, bà T10 ông H9 cản ngăn, bà T10 có cầm quạt đập vào đầu 1 bị cáo trong vụ án chảy máu. Bị cáo T thừa nhận có cầm dao tự chế nhào vào nhưng không chém ai. Trong quá trình giằng co bị hại đè vào người bị cáo, bị hại cầm dao, sau đó bị cáo tước được dao, thấy bị cáo L bị chảy máu, Bị cáo T mới đâm ông H9. Hành vi này cần xem xét là giết người có tính chất côn đồ hay trong tình trạng bị kích động mạnh, vượt quá phòng vệ chính đáng

Cần xem xét ai là người rủ rờ, bị cáo N5 là người kể ra câu chuyện nên có cần thiết xem xét áp dụng tình tiết điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với nhận định cho rằng các bị cáo còn phạm thêm tội “cố ý gây thương tích” phạm tội chưa đạt: Đây là tội danh căn cứ vào tỷ lệ thương tích đề

định lượng, việc chỉ căn cứ vào việc các bị cáo có ý định quay lại tìm Lâm mà xác định các bị cáo phạm tội này là chưa phù hợp

Bản án sơ thẩm xử bị cáo là phù hợp, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bị cáo T là chưa phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với Bị cáo T.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Vũ L trình bày: Các bị cáo tìm đến nhà bị hại là tìm L11 không phải tìm ông H9. Do có xô xát bị cáo L bị đánh gây thương tích, Bị cáo T nảy sinh ý định đâm ông H9 khi bị cáo L bị đánh, các bị cáo không bàn bạc đánh ông H9. Ngoài ra, nguyên nhân cái chết của ông H9 không phải do L gây ra. Bị cáo T là người gây ra cái chết cho ông H9. Bản án sơ thẩm đã xử bị cáo L là quá nặng. Luật sư không có ý kiến về Quyết định kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Tiến L4 trình bày:

Các bị cáo có ý định tìm L11, chứ không phải có ý định đánh ông H9. Việc ông H9 chết có phải do hành vi thái quá của Bị cáo T, cần xem xét về việc tính đồng phạm trong vụ án này. Cần xem xét thời gian ông H9 tử vong là lúc nào. Xem xét lại hoàn cảnh phạm tội và vai trò của bị cáo L4. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày bên nội là mẹ Việt Nam anh hùng, tình tiết này cấp sơ thẩm chưa xem xét. Xin Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền về trách nhiệm dân sự, phân định từng phần cụ thể của từng bị cáo.

Về nội dung Quyết định kháng nghị: Luật sư đồng thuận quan điểm của người bào chữa cho Bị cáo T.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo L4, không chấp nhận Quyết định kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn N5 trình bày:

Quyết định kháng nghị và biên bản thực nghiệm điều tra thể hiện bị cáo N5 nhìn thấy Tình đâm ông H9, nhưng tại phiên tòa 04 bị cáo đều xác nhận không tham gia thực nghiệm nên biên bản này không khách quan. Vì vậy không thể kết luận bị cáo N5 có nhìn thấy. Bị cáo N5 trình bày khi sự việc xảy ra bị cáo chỉ đứng bên ngoài hàng rào bị che khuất nên bị cáo không nhìn thấy, bị cáo có nghe tiếng kêu cứu nhưng không biết của ai. Thời điểm bị cáo N5 nghe tiếng kêu cứu thì T đã chém ông H9, thời điểm này bị cáo L cũng chạy ra và kêu bị cáo chở đi bệnh viện. Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng bị cáo N5 đồng phạm là không chính xác.

Về hành vi che giấu tội phạm: Bị cáo N5 và các bị cáo khác cùng đi chung, nhưng mỗi người thực hiện một hành vi. Bị cáo T rút dao, bị cáo N5 cầm lên, khi thấy công an do sợ nên vứt con dao. Viện kiểm sát kháng nghị cho rằng bị cáo N5 che giấu tội phạm là chưa đúng. Vì trong vụ án này các bị cáo

đều đã bị xét xử theo tội danh tương ứng với hành vi của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Vũ L, Trần Tiến L4; Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Ngày 28/9/2018 trong lúc uống rượu khi nghe Trần Văn N5 kể chuyện lúc chiều, N5 và Trần Tiến L4 có đánh nhau với C9 (không biết cụ thể họ tên, địa chỉ) và Lê Văn L11 (L11), Ca Thanh T rủ Nguyễn Văn Vũ L, Trần Tiến L4, Trần Văn N5 mang theo dao tự chế đến nhà tìm L11 để chém. Đến nhà L11, T la lớn tìm kiếm L11, dùng dao tự chế chém vào bàn ghế để trên bàn, quạt máy và cánh cửa nhà. Bà Trần Thị T10 và ông Lê Văn H9 (cha mẹ của Lâm) ngăn cản không cho T vào nhà. Trong lúc giằng co với ông H9, bà T10, T dùng dao tấn công và chém ông H9 14 vết thương. Hậu quả gây ra là ông H9 tử vong tại bệnh viện.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Ca Thanh T, Nguyễn Văn Vũ L, Trần Tiến L4 phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123; bị cáo Trần Văn N5 phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 6 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Căn cứ lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì diễn biến sự việc như sau: Trong lúc uống rượu, T đã bàn bạc với các bị cáo còn lại về việc tìm L11 đánh trả thù (trước đó N5 và L11 có mâu thuẫn đánh nhau), được các bị cáo đồng ý. Trước khi đi các bị cáo có chuẩn bị dao tự chế dài 83 cm và cây làm hung khí. Khi đi, N5 chở L4 chạy trước dẫn đường (vì N5 biết nhà của L11). Đến nhà L11 thì N5 dừng xe đứng trước cổng hàng rào, còn T, L và L4 vào bên trong nhà tìm L11. Mặc dù, ban đầu các bị cáo bàn bạc chém L11, nhưng khi các bị cáo đến thì không tìm gặp được L11, quá trình giằng co T đã dùng dao chém nhiều nhát vào ông H9 cho đến khi ông H9 gục xuống sàn nước. Sau khi chém ông H9, N5 điều khiển xe mô tô chở L chạy trước, L4 chở T chạy sau. Khi đến ngã tư Đ, T ném con dao xuống đất, N5 nhặt con dao lên và cùng chạy xe đến bệnh viện do L bị thương. Sau đó, các bị cáo ra về. Trên đường về do thấy tổ tuần tra nên N5 ném bỏ con dao tự chế vào khu đất trống.

Như vậy, nguyên nhân xảy ra vụ án là do xích mích đánh nhau trước đó

giữa N5 và L11. Các bị cáo đã bàn bạc, đồng ý, chuẩn bị hung khí đến nhà tìm L11 đến đánh. Do không tìm được L11 nên kế hoạch không thực hiện được, nhưng giữa các Bị cáo T, L4, L và ông H9 (cha của L11) có xảy ra xô xát, trong lúc giằng co T dùng dao chém nhiều nhát khiến ông H9 tử vong. Khi đến nhà L11, N5 dừng xe đứng trước cửa cổng hàng rào, các bị cáo còn lại đi vào bên trong. Diễn biến vụ việc xảy ra bên trong đã có sự thay đổi so với kế hoạch mà các bị cáo đã bàn bạc trước đó (chém ông H9 chứ không chém L11).

Theo biên bản thực nghiệm điều tra ngày 21/11/2019 thì tại vị trí bị cáo N5 đứng có thể nhìn thấy diễn biến bên trong. Nhưng biên bản thực nghiệm điều tra này không có sự tham gia của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N5 khai rằng khi đứng bên ngoài bị cáo có nghe tiếng kêu cứu bên trong nhưng lúc đó bị cáo L chạy ra nhờ bị cáo chở đi bệnh viện. Do đó, cần phải điều tra làm rõ bị cáo N5 có nhìn thấy diễn biến vụ án bên trong khi T, L4, L xô xát với bà T10, ông H9, để xác định ý thức của bị cáo N5 khi Bị cáo T chém ông H9 (có sự chuyển hóa ý thức hay không?). Từ đó mới có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của bị cáo N5 là đồng phạm với các bị cáo còn lại hay cấu thành tội phạm khác. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng đối tượng mà các bị cáo bàn bạc ban đầu là L11. Sau khi đến nhà L11, thì bị cáo N5 chỉ đứng bên ngoài, tại nơi ông H9 bị chém không có đèn nên không có chứng cứ trực tiếp thể hiện bị cáo N5 nhìn thấy diễn biến sự việc bên trong là chưa đủ căn cứ.

[3.2] Theo lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm thì sau khi chém ông H9, các bị cáo bỏ đi, dọc đường T ném bỏ con dao, N5 nhặt lại và vứt bỏ con dao vào khu đất trống khi nhìn thấy tổ tuần tra. Xét, con dao mà bị cáo N5 ném bỏ là con dao mà Bị cáo T đã đâm ông H9, đây là vật chứng của vụ án. Cần phải điều tra làm rõ hành vi của bị cáo N5 là đồng phạm với các bị cáo khác hay là che giấu tội phạm. Cấp sơ thẩm chưa xem xét xử lý hành vi này của bị cáo là bỏ lọt hành vi phạm tội.

[3.3] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo N5 chỉ đồng thuận bàn bạc với các bị cáo khác về việc tìm L11 để chém, nên hành vi của bị cáo N5 là cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” thuộc giai đoạn chuẩn bị phạm tội theo khoản 6 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nhưng cấp sơ thẩm xác định ông Lê Văn L11 là người làm chứng là không chính xác. Nếu xác định bị cáo N5 phạm tội “Cố ý gây thương tích” cho ông L11 thì ông L11 phải được xác định là người bị hại trong vụ án. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không xác định sai tư cách tố tụng của ông L11 đã gây ảnh hưởng, đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

Mặt khác, nếu xác định hành vi của bị cáo N5 là phạm tội “Cố ý gây thương tích” đối với ông L11 ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, thì cũng phải xem xét các bị cáo còn lại tham gia bàn bạc, chuẩn bị hung khí để tìm đánh L11. Ngoài ra, sau khi chém ông H9, các bị cáo đi đến nhà ông Vũ Tiến H12, lấy con dao khác và quay lại nhà ông H9, với ý định tiếp tục tìm L11 để chém, nhưng do lúc này công an đã đến nên các bị cáo bỏ đi. Cấp sơ thẩm chưa điều tra, làm rõ xử lý đối với nội dung này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm chưa điều tra, làm rõ nhiều vấn đề trong vụ án. Những nội dung này có ý nghĩa đối với việc xác định tội danh, đánh giá vai trò phạm tội của từng bị cáo, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ. Đối với nhận định cho rằng, thời điểm phạm tội bị cáo N5 chỉ mới 17 tuổi 10 tháng 02 ngày, Bị cáo T là người rủ rê bị cáo N5 (dưới 18 tuổi) phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Ca Thanh T là có thiếu sót. Nội dung này cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm sẽ xem xét, đánh giá khi xét xử lại vụ án.

Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 62/QĐ-VC3-V1 ngày 22/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án về cho cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại vụ án. Do hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn Vũ L, Trần Tiến L4.

[4] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn Vũ L, Trần Tiến L4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 62/QĐ-VC3-V1 ngày 22/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang; Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Ca Thanh T, Nguyễn Văn Vũ L, Trần Tiến L4 cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang thụ lý lại hồ sơ vụ án.

Các bị cáo Nguyễn Văn Vũ L, Trần Tiến L4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Tiền Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
 - Công an tỉnh Tiền Giang;
 - Sở tư pháp tỉnh Tiền Giang;
 - TTG CA tỉnh Tiền Giang;
- (Tổng đạt cho bị cáo)
- BCTN (1);
 - ĐDBH (1);
 - NLQ (4);
 - Lưu (10) 30b (Ấn39).

Trần Văn Mười